

Số: *12.4*.../BC-STNMT

Điện Biên, ngày *16* tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên

Thực hiện Văn bản số 1507/UBND-KTN ngày 27 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc báo cáo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo các nội dung như sau:

1. Dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang đã được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/10/2019 và phê duyệt điều chỉnh tại 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2016, ngay từ khi triển khai thực hiện dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND huyện Mường Ảng để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án, tuy nhiên dự án gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong việc giải phóng mặt bằng; Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện Mường Ảng tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang, theo đó, ngày 10 tháng 7 năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có buổi làm việc với tập thể lãnh đạo UBND huyện Mường Ảng và lãnh đạo các phòng ban thuộc UBND huyện Mường Ảng về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ảng; trong đó có Công trình Hồ chứa nước Ảng, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND huyện Mường Ảng xử lý vướng mắc về thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao đất; đồng thời dự án dự án có sử dụng 32,89ha đất trồng lúa, trong đó 10,75 ha đất trồng lúa đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chuyển mục đích tại Văn bản 689/TTg-KTN ngày 14/5/2014; đối với diện tích đất trồng lúa còn lại 22,14ha, Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và Tổng cục quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định tại văn bản số 1567/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 28/10/2015, đề nghị UBND huyện Mường Ảng xác định giải trình rõ quy mô diện tích đất trồng lúa và sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, đến nay UBND huyện Mường Ảng chưa hoàn thiện hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh theo quy định. (Có các Văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện dự án kèm theo)

2. Về khu tái định cư bản Mánh Đanh thuộc dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Ảng

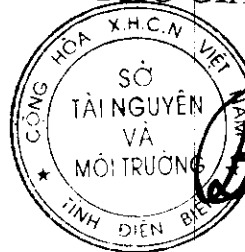
Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Ảng Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 10/10/2018.

Trên đây báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường về tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo sở;
- Chi cục QLDD;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN DỰ
ÁN ĐẦU TƯ HỒ CHỨA NƯỚC ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG**
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-STNMT ngày ...6/2019 của sở TN&MT)

Số TT	Văn bản
1	Văn bản số 435/STNMT-QLĐĐ ngày 18 tháng 11 năm 2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tách phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hồ Ắng Cang huyện Mường Ắng thành tiểu dự án độc lập
2	Văn bản số 45/STNMT-QLĐĐ ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc yêu cầu chỉnh sửa và hoàn thiện lại hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng hồ chứa nước Ắng Cang, xã Mường Ắng, huyện Mường Ắng, tỉnh Điện Biên (hạng mục: Lòng hồ)
3	Văn bản số 31/STNMT-QLĐĐ ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình quản lý thực hiện dự án Hồ chứa nước Ắng Cang, xã Ắng Cang, huyện Mường Ắng
4	Văn bản số 385/STNMT-QLĐĐ ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ắng Cang, huyện Mường Ắng, tỉnh Điện Biên.
5	Văn bản số 589/STNMT-QLĐĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xử lý những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ắng

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 589/STNMT-QLĐĐ

Điện Biên, ngày 14 tháng 8 năm 2017

V/v hướng dẫn xử lý những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, GPMB và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ảng.

Kính gửi: UBND huyện Mường Ảng.

Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Mường Ảng tại Văn bản số 658/UBND-TNMT ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc tổng hợp những khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực GPMB và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ảng; ngày 10 tháng 7 năm 2017; tại Hội trường tầng 2 - Sở Tài nguyên và Môi trường, tập thể lãnh đạo UBND huyện Mường Ảng và các phòng ban liên quan đã có buổi làm việc với tập thể lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban liên quan để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, GPMB và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ảng.

Sau khi nghiên cứu thảo luận thống nhất với UBND huyện Mường Ảng xử lý những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, GPMB và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ảng; cụ thể như sau:

1. Đối với công trình Trung tâm hành chính huyện

a) Về giá đất để thu tiền sử dụng đất khi giao đất ở tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất, UBND huyện Mường Ảng thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định tại Khoản 4, Điều 144, Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2017 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 và Bảng giá đất để xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 18, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

b) Về thẩm quyền thu hồi diện tích 51.215,4 m² đất của Cộng đồng bản Hón, đề nghị UBND huyện Mường Ảng thực hiện thu hồi đất theo thẩm quyền quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 66, Luật Đất đai năm 2013.

2. Đối với công trình Đường nội thị giai đoạn 1 (Trục 42m)

a) Về giá đất cụ thể để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các phòng, ban liên quan của huyện tiến hành xác định lại giá đất cụ thể phù hợp với giá đất chuyển nhượng tại thị trường.

b) Đối với trường hợp đã phê duyệt phương án bồi thường GPMB (phê duyệt năm 2013) nhưng tại thời điểm chi trả tiền bồi thường chưa có đất để bố trí tái định cư nên các hộ không nhận tiền. Trường hợp này do lỗi của Nhà nước,

đề nghị UBND huyện Mường Ảng căn cứ khoản 3, Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất nhưng xem xét điều chỉnh lại giá đất bồi thường cho phù hợp.

3. Công trình trụ sở liên cơ Trạm bảo vệ thực vật, Trạm thú y, Hạt kiểm lâm huyện.

Đối với đất Cộng đồng bản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với mục đích sử dụng là đất rừng phòng hộ (RTP; RTnP) không thu tiền sử dụng đất, thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trường hợp bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại không có giấy tờ chứng minh các khoản chi phí đầu tư thì áp dụng quy định tại Điều 3 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh để tính bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

4. Đối với đường nội thị trục 27m và Khu tái định cư giai đoạn 1:

a) Đối với Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư thị trấn Mường Ảng giai đoạn 1. Việc đo đạc, kiểm đếm để tiếp tục thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 69, Luật Đất đai năm 2013, sau khi có thông báo thu hồi đất thì thực hiện đo đạc kiểm đếm tại thời điểm hiện tại khi kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tuy nhiên, do “Dự án treo” đề nghị UBND huyện Mường Ảng báo cáo Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện thống nhất xem xét bồi thường theo tài sản, vật kiến trúc đã kê khai kiểm đếm, xác định thiệt hại trước đây.

Đối với tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường, theo quy định tại Điều 92, Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, do “Dự án treo” đề nghị UBND huyện Mường Ảng báo cáo Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện thống nhất hỗ trợ cho các hộ đỡ thiệt thòi.

Đối với trường hợp thu hồi đất mà tài sản trên đất là nhà sàn (nhà gỗ), kết cấu được xác định theo mục II Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh, khi kiểm đếm xác định thiệt hại về tài sản, đơn vị lập phương án BT, HT xác định nhà sàn gỗ loại B, trường hợp này có được tính bồi thường bằng 70% đơn giá bồi thường nhà sàn gỗ loại A không?. Trường hợp này đề nghị UBND huyện Mường Ảng xem xét xin ý kiến Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì xây dựng đơn giá về bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất để áp dụng cho phù hợp.

b) Về giá đất cụ thể: Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND huyện Mường Ảng báo cáo cụ thể từng dự án cần xác định giá đất cụ thể để triển khai thực hiện dự án, qua đó Sở tiếp tục chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất trực

thuộc Sở phối hợp từng nội dung cụ thể với UBND huyện Mường Ảng xem xét, điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Điều 114, 115, Luật Đất đai năm 2013.

c) Về hạn mức giao đất tái định cư

Việc giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân đối với khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được thực hiện theo quy hoạch chi tiết chia lô đã được phê duyệt theo quy định tại Khoản 4, Điều 5, Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh. Theo đó, nếu quy hoạch chia lô không phù hợp với thực tế, đề nghị UBND huyện Mường Ảng xem xét, đề nghị được điều chỉnh quy hoạch chia lô theo quy định.

d) Việc bố trí, giao đất tái định cư và thu tiền sử dụng đất

- Về đối tượng: Đề nghị UBND huyện Mường Ảng căn cứ vào quỹ đất ở hiện có trên địa bàn huyện, xem xét ưu tiên giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại Điều 20, Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Về thu tiền sử dụng đất: Trường hợp đối tượng được áp dụng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do cơ quan thuế xác định. Do đó, đề nghị UBND huyện Mường Ảng xin ý kiến Cục thuế tỉnh để xử lý theo quy định.

e) Việc xác định giá đất trong trường hợp bồi thường bằng đất khi Nhà nước thu hồi đất phải thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 4, Điều 144, Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp bồi thường bằng việc giao đất ở tái định cư, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

5. Đối với công trình Hồ chứa nước Ảng Cang

a) Về công tác lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Việc UBND huyện Mường Ảng đã phê duyệt 5 phương án bồi thường, HT&TĐC GPMB 5 hạng mục công trình trước ngày 01/7/2014 thuộc thẩm quyền của UBND huyện Mường Ảng, việc phê duyệt chưa đúng với trình tự quy định tại Khoản 2, Điều 31, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản hướng dẫn UBND huyện Mường Ảng về thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất tại Văn bản số 385/STNMT-QLĐĐ ngày 26/6/2015. Đồng thời, dự án có sử dụng 22,14ha đất trồng lúa, trước khi giao đất để thực hiện dự án phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 58, Luật Đất đai; Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo UBND tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét. Tuy nhiên, dự án Hồ chứa nước Ảng Cang hiện tại mới được Thủ

tướng Chính phủ đồng ý cho chuyển mục đích 10,75 ha đất trồng lúa tại Văn bản 689/TTg-KTN ngày 14/5/2014, đối với diện tích đất lúa còn lại Thủ tướng Chính phủ chưa đồng ý cho chuyển mục đích. Đề nghị UBND huyện Mường Ảng xác định giải trình rõ quy mô diện tích đất trồng lúa và sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện theo ý kiến thẩm định của Tổng cục Quản lý đất đai tại văn bản số 1567/TCQLĐĐ-QHĐĐ ngày 28/10/2015.

b) Về công tác tái định cư

Đề nghị UBND huyện Mường Ảng thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định tại Khoản 4, Điều 144, Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2017 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 và Bảng giá đất để xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 18, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

6. Công tác tổ chức xây dựng phương án đấu giá đất

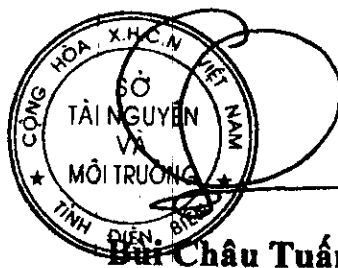
Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Mường Ảng, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp các vị trí xây dựng cơ sở hạ tầng để bán đấu giá quyền sử dụng đất thuộc khu trung tâm thị trấn Mường Ảng và xã Búng Lao báo cáo UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2017. Đề nghị UBND huyện Mường Ảng căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 để thực hiện thu hồi đất, bồi thường GPMB và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với UBND huyện Mường Ảng xử lý những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, GPMB và tổ chức đấu giá đất trên địa bàn huyện Mường Ảng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo sở;
- Chi cục QLĐĐ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 435/STNMT-QLĐĐ

V/v tách phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hồ Ảng Cang huyện Mường Ảng thành tiểu dự án độc lập.

Điện Biên Phủ, ngày 18 tháng 11 năm 2010

Kính gửi: UBND tỉnh Điện Biên.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh; căn cứ văn bản số 526/TTr-UBND ngày 05/11/2010 của UBND huyện Mường Ảng về việc xin chủ trương tách phương án bồi thường, hỗ trợ di dân và tái định cư hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên thành tiểu dự án độc lập. Sau khi đối chiếu với văn bản pháp luật hiện hành, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh như sau:

1. Dự án hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1852 /QĐ-UBND ngày 13/10/2009 bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn khác theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh và giao cho UBND huyện Mường Ảng là Chủ đầu tư dự án; hạng mục đền bù, tái định cư đã được xác định trong tổng mức đầu tư của Dự án.

Do dự án thực hiện trên địa bàn một huyện; việc UBND tỉnh phân cấp cho UBND huyện Mường Ảng là Chủ đầu tư dự án trong đó bao gồm cả hạng mục bồi thường di dân, tái định cư thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình (được xác định là dự án thành phần) là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 19 Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

2. Việc UBND huyện Mường Ảng đề nghị UBND tỉnh tách phương án bồi thường, hỗ trợ di dân và tái định cư hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên thành tiểu dự án độc lập là không cần thiết vì đã được quy định trong Quyết định số 1852 /QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh.

Việc tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành tiểu dự án riêng và tổ chức thực hiện độc lập chỉ áp dụng trong trường hợp đối với dự án đầu tư thuộc các Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị sự nghiệp thuộc Trung ương là chủ đầu tư xây dựng công trình được triển khai trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 69/2009/N Đ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Đối với việc triển khai bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án: UBND huyện Mường Ảng có trách nhiệm thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ

và tái định cư của Dự án để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

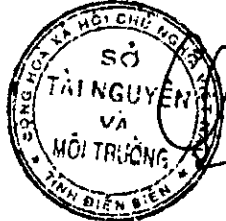
Trường hợp dự án này phải bố trí tái định cư cho 89 hộ bị ảnh hưởng của dự án; UBND huyện Mường Ảng có trách nhiệm lập Dự án tái định cư riêng theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ; và quy định tại chương V, Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND tỉnh.

Trên đây là ý kiến của sở Tài nguyên và Môi trường về văn bản số 526/TTr-UBND ngày 05/11/2010 của UBND huyện Mường Ảng về việc xin chủ trương tách phương án bồi thường, hỗ trợ di dân và tái định cư hộ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên thành tiểu dự án độc lập./. *ky*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND huyện Mường Ảng;
- Phòng QLDD;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Châu Tuấn

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *385*./STNMT-QLĐĐ

Điện Biên, ngày *26* tháng 6 năm 2015

V/v rà soát dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- UBND huyện Mường Ảng.

Thực hiện nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại văn bản số 1260/UBND-NN ngày 09/4/2015, về việc rà soát Dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ nội dung đề nghị tại văn bản số 736/SNN-TL ngày 28/5/2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hoàn thiện hồ sơ rà soát điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự án tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư; giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án do UBND huyện Mường Ảng cung cấp; Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về thực hiện thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho dự án.

Dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng được thực hiện đầu tư từ năm 2009, tại Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng. Với tổng mức đầu tư là 355,295 tỷ; trong đó chi phí đền bù, tái định cư là: 15 tỷ đồng. Chủ đầu tư công trình là: UBND huyện Mường Ảng. Trong quá trình thực hiện dự án đã phát sinh những tồn tại, vướng mắc về trình tự thu hồi, giao đất thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân về việc xử lý các nội dung vướng mắc trên, sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Mường Ảng thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án cụ thể:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn giải quyết những tồn tại và vướng mắc của dự án bao gồm: (Văn bản số 435/STNMT-QLĐĐ ngày 18/11/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tách phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hồ Ảng Cang huyện Mường Ảng thành tiểu dự án độc lập; Văn bản số 45/STNMT-QLĐĐ ngày 28/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi

trường yêu cầu chỉnh sửa và hoàn thiện lại hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Ấng Càng xã Ấng Càng huyện Mường Ảng; Văn bản số 31/STNMT-QLDD ngày 20/10/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Về việc tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình quản lý thực hiện dự án Hồ chứa nước Ấng Càng, xã Ấng Càng, huyện Mường Ảng). Ngày 19/01/2013 sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với UBND huyện Mường Ảng tiến hành họp rà soát và thống nhất các nội dung phải thực hiện để giải quyết những tồn tại, vướng mắc về trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án.

Tuy nhiên đến nay UBND huyện Mường Ảng vẫn chưa hoàn thiện hồ sơ xin thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án.

2. Theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 22/4/2015 của UBND huyện Mường Ảng về tình hình thực hiện dự án và điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư dự án công trình Hồ chứa nước Ấng Càng, xã Ấng Càng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Đến nay UBND huyện Mường Ảng đã phê duyệt 05 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm phương án: xây dựng đập đầu mối; đường quản lý kết hợp thi công; lòng hồ; xây dựng nghĩa địa khu tái định cư; xây dựng khu tái định cư số 1) với tổng kinh phí GPMB đã phê duyệt là: 84,724 tỷ đồng; trong đó: đã giải ngân là: 52,681 tỷ đồng (thực hiện theo Luật đất đai năm 2003).

Việc phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án Hồ chứa nước Ấng Càng, xã Ấng Càng huyện Mường Ảng (phê duyệt trước ngày 1/7/2014) thuộc thẩm quyền của UBND huyện Mường Ảng theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó UBND huyện Mường Ảng hoàn toàn chịu trách nhiệm về khối lượng, hạng mục, kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND huyện Mường Ảng đã phê duyệt. Tuy nhiên việc phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án Hồ chứa nước Ấng Càng, xã Ấng Càng huyện Mường Ảng chưa đúng với trình tự theo quy định tại Khoản 2, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ấng Càng, xã Ấng Càng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. /stb

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng TN&MT huyện Mường Ảng;
- TCPTQĐ huyện Mường Ảng;
- Lưu: VT; QLDD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngôn Ngọc Khuê

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31.../STNMT-QLĐĐ

Điện Biên, ngày 20 tháng 01 năm 2014

V/v rà soát, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình quản lý thực hiện dự án Hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng.

Kính gửi:

- UBND tỉnh Điện Biên
- Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện văn bản số 159/UBND-NN ngày 14/1/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc rà soát, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng.

Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do UBND huyện Mường Ảng cung cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau:

1. Một số tồn tại, vướng mắc về trình tự, thủ tục thu hồi, giao đất và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án.

Dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng được thực hiện đầu tư từ năm 2009 tại Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, với tổng mức đầu tư trên 355 tỷ trong đó kinh phí bồi thường hỗ trợ 15 tỷ đồng, trong quá trình thực hiện dự án đã phát sinh những khó khăn vướng mắc cụ thể sau:

1.1. Việc rà soát lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các quy định hiện hành làm cơ sở xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kinh phí bồi thường, hỗ trợ để tổ chức thực hiện GPMB chưa sát với điều kiện thực tế làm phát sinh tổng mức đầu tư của dự án cụ thể:

Theo báo cáo số 307/UBND-BQLDA ngày 06/12/2013 của UBND huyện Mường Ảng đến nay UBND huyện đã phê duyệt 05 phương án và tạm tính 02 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với tổng giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên 105 tỷ đồng, chưa có tái định cư.

Như vậy tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tăng 95 tỷ đồng (105 tỷ đồng-15 tỷ đồng) chưa có tái định cư so với nguồn kinh phí bồi thường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh Điện Biên.

1.2. Về trình tự thủ tục thu hồi đất, giao đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, đã vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng đất.

Theo báo cáo số 307/UBND-BQLDA ngày 06/12/2013 của UBND huyện Mường Ảng đến nay công trình đã triển khai thực hiện hoàn thành được khoảng 60% khối lượng công trình, song chủ đầu tư mới lập hồ sơ đề nghị xin thu hồi và

giao đất để triển khai thực hiện dự án. Việc lập hồ sơ đề nghị xin thu hồi và giao đất sau khi triển khai, thi công công trình là chưa đúng trình tự, thủ tục về thu hồi, giao đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định tại các Điều 27, 28, 29 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

1.3. Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 31, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định: “Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và công bố công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”. Đến nay UBND huyện Mường Ảng đã phê duyệt 05 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa đúng quy định nêu trên (chưa có quyết định thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất của UBND tỉnh).

2. Để giải quyết những tồn tại và vướng mắc của dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất một số nội dung như sau:

2.1. Dự án được đầu tư được thực hiện từ năm 2009 tại Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh Điện Biên và đã thực hiện hoàn thành 60% khối lượng công trình, xong đến nay chủ đầu tư mới lập hồ sơ đề nghị xin thu hồi và giao đất để thực hiện dự án; Khi trình Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định trình UBND tỉnh thu hồi và giao đất cho dự án, đề nghị chủ đầu tư phải giải trình làm rõ lý do việc thực hiện thi công trước khi trình thu hồi và giao đất cho dự án;

2.2. Đề nghị chủ đầu tư tiến hành lập phương án bố trí tái định cư và thực hiện tính giá trị tiền sử dụng đất phải nộp của đối tượng bị thu hồi đất thuộc dự án được bồi thường bằng việc giao đất nơi tái định cư.

2.3. Về chính sách hỗ trợ trong phương án

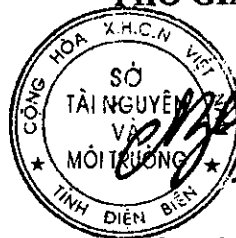
Để có cơ sở tính toán mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm cho các hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc dự án. Đề nghị UBND huyện Mường Ảng rà soát và xác định rõ đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 29 Nghị định 197 ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Trường hợp thực hiện bồi thường bằng đất sản xuất nông nghiệp thì không áp dụng hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án: Xây dựng hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND huyện Mường Ảng;
- Phòng QL-ĐĐ - TTr;
- Lưu: VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngôn Ngọc Khuê

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 45./STNMT-QLĐĐ

V/v: Yêu cầu chỉnh sửa và hoàn thiện lại hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án xây dựng hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên
(Hạng mục: Lòng hồ)

Điện Biên, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Kính gửi: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng.

Thực hiện văn bản số 2329/UBND-NN về chủ trương, giải pháp triển khai thực hiện dự án hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng. Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Hạng mục: Lòng hồ) do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng lập. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng lập chưa đầy đủ theo quy định. Do vậy Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ kiểm tra và rà soát trên cơ sở, biên bản tờ khai của các hộ gia đình, cá nhân và tổng hợp số liệu diện tích do Tổ công tác giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng lập và gửi.

Đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng lập và hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định tại điều 30, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và hướng dẫn tại Công văn số 79/CV-HĐTĐT ngày 15/5/2007 của Hội đồng thẩm định tỉnh Điện Biên.

2. Việc thực hiện công tác kê khai diện tích và loại đất quy chủ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án phải được thực hiện trên cơ sở Bản đồ và hồ sơ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường xét duyệt; phương án bồi thường, hỗ trợ & TĐC do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư do huyện Mường Ảng lập có sự mâu thuẫn về diện tích, loại đất giữa phương án với Bản đồ và hồ sơ địa chính. Một số hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi không có biên bản, tờ khai và nguồn gốc đất trong hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Số liệu ghi trong Tờ khai và Biên bản kiểm tra của một số hộ trong phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB không rõ ràng về diện tích, loại đất.

(Chi tiết danh sách các hộ có mâu thuẫn về diện tích, loại đất; Biểu 03)

3. Đối với đất ở của các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi thuộc dự án, Hội đồng, chưa cung cấp các loại giấy tờ về đất, đề nghị Hội đồng bồi thường hỗ trợ

tái định cư của huyện, kiểm tra xác định làm rõ về nguồn gốc sử dụng đất để có cơ sở áp giá bồi thường cụ thể như sau:

a) Đối với đất ở của các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi thuộc dự án không có các loại giấy tờ về đất theo quy định tại khoản 1, Điều 50 Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003, nhưng đã chuyển nhượng, cho, tặng quyền sử dụng đất cho nhiều người, phải xác định rõ nguồn gốc sử dụng đất, hạn mức đất ở được công nhận của từng hộ gia đình, cá nhân để thực hiện việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho, tặng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật Đất đai hiện hành theo quy định tại Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 của UBND tỉnh Điện Biên (*Lưu ý phải xác định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở phải bao gồm cả đất đã tặng cho hợp pháp*).

b) Đối với các hộ được chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 nhưng không có giấy tờ về chuyển nhượng, cho, tặng quyền sử dụng đất trong phương án, phải bổ sung các loại giấy tờ hợp pháp về chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

c) Đối với đất ở các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi có nguồn gốc sử dụng đất sau ngày 15/10/1993; phải xác định các khoản nghĩa vụ tài chính phải nộp theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(Chi tiết danh sách các hộ xem xét lại về đất ở; Biểu 01)

4. Đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi các hộ gia đình, cá nhân; phải xác định tổng diện tích đất nông nghiệp đang quản lý sử dụng gồm: diện tích đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đã chuyển nhượng, cho, tặng quyền sử dụng đất; diện tích đất nông nghiệp tự khai hoang để:

a) Xác định hạn mức đất nông nghiệp được công nhận của các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định về hạn mức giao đất ở tại đô thị và nông thôn; hạn mức công nhận đất ở trong trường hợp thửa đất có vườn, ao; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng và quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Trên cơ sở hạn mức đất nông nghiệp được xác định từ đó áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

(Chi tiết danh sách các hộ cần xác định lại diện tích nông nghiệp; Biểu 02)

5. Đối với việc bồi thường, hỗ trợ về đất thuộc dự án căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt. Đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện


Mường Ảng tiến hành lập phương án bố trí tái định cư và phương án giao đất nông nghiệp đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện việc đổi trừ đất về đất trong phương án bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Điều 5, Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh Điện Biên.

6. Về chính sách hỗ trợ trong phương án để có cơ sở tính toán mức hỗ trợ cho từng hộ gia đình cá nhân Đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng rà soát và xác định rõ số khẩu trong sổ hộ khẩu thường trú hợp pháp, sinh sống ổn định thuộc dự án được xem xét hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh Điện Biên.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án: Xây dựng hồ chứa nước Ảng Cang xã Ảng Cang huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (Hạng mục: Lòng hồ). Đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư huyện Mường Ảng hoàn tất đầy đủ hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án theo đúng các quy định hiện hành trước khi phê duyệt phương án./.

Nơi nhận: *ky*

- Như kính gửi;
- UBND Tỉnh (BC);
- UBND huyện Mường Ảng;
- Phòng TNMT huyện M.A;
- Tổ chức phát triển quỹ đất huyện M.A;
- Phòng QL-ĐĐ; TTr sở;
- Lưu: VP.

KT. GIÁM ĐỐC
THỨ GIÁM ĐỐC

Ngôn Ngọc Khuê

BIỂU 01: KIỂM TRA, RÀ SOÁT DIỆN TÍCH, NGUỒN GỐC ĐẤT Ở CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ÁNG CANG XÃ ÁNG CANG - HUYỆN MƯỜNG LĂNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN (HẠNG MỤC: LÒNG HỒ)

(Kèm theo Văn bản số 5/STNMT-QLDD ngày 28 tháng 1 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: m²

Họ và tên	Thửa số	Tờ BĐ	Tổng DT quy cho hộ	Tổng DT đất ở quy cho hộ	Diện tích đất ở đã CN, cho tặng	Tổng diện tích đất thu hồi	Trong đó		Nguồn gốc đất	Chính sách BT, HT theo kết quả thẩm định của phòng TN&MT huyện Mường Lăng	Ghi chú
							Đất ở	Diện tích đất vườn, ao liền kề			
Lường Văn Toàn	47	5	625,5	478,2	78,2	547,3	400,0	147,3	Đất gia đình ông Toàn khai hoang dựng nhà ở năm 1986 có phiếu ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Quảng Văn Triển	105	5				78,2	78,2	Nhận tặng cho của bố vợ Lương Văn Toàn năm 2007, Ông Toàn khai hoang sử dụng năm 1986 dựng nhà năm 2003, có phiếu ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.		
Lường Văn Lanh	116	5	1.829,8	600,0	377,4	1.452,4	400,0	1.052,4	Đất gia đình tự khai hoang và dựng nhà ở năm 1969 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lô Văn Hương	104	5				377,4	200,0	177,4	Đất nhận tặng cho từ bố vợ Lương Văn Lanh năm 2000, và dựng nhà ở năm 2000 ông Lanh khai hoang năm 1967. Có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Lô Thị Ính	594	2	1.514,5	592,5	192,5	1.322,0	400,0	922,0	Đất gia đình tự khai hoang năm 1982 và dựng nhà ở năm 1982 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lô Văn Sương	616	2				192,5	192,5	Đất nhận tặng cho của mẹ vợ Lô Thị Ính năm 2006, bà Lô Thị Ính khai hoang năm 1970 dựng nhà ở năm 1975 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.		
Lường Văn Khôn	97	5	1.036,6	600,0	362,8	673,8	400,0	273,8	Đất gia đình tự khai hoang năm 1970, và dựng nhà ở năm 1970 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lường Văn Thoan	593	2				362,8	200,0	162,8	Đất nhận tặng của bố Lương Văn Khôn năm 2001, và dựng nhà ở năm 2002 ông Khôn khai hoang năm 1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Lường Văn Sương (Pánh)	98	5	1.140,7	941,6	821,9	318,8	318,8		Đất gia đình tự khai hoang năm 1967, và dựng nhà năm 1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	



Họ và tên	Thửa số	Tờ BĐ	Tổng DT quy cho hộ	Tổng DT đất ở quy cho hộ	Diện tích đất ở đã CN, cho tặng	Tổng diện tích đất thu hồi	Trong đó		Nguồn gốc đất	Chính sách BT, HT theo kết quả thẩm định của phòng TN&MT huyện Mường Ảng	Ghi chú
							Đất ở	Diện tích đất vườn, ao liền kề			
Ông Văn Oán	166	5				222,8	222,8		Đất nhận tặng cho của bác ruột Lương Văn Sương năm 2006; ông Sương khai hoang và dựng nhà ở ở năm 1986 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất, chính sách BT, HT hồ ông Lương Văn Oán
Ông Văn Bình (Sương)	83	5	369,4	200,0		369,4	200,0	169,4	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Sương năm 2000 và dựng nhà ở năm 2000 ông Sương khai hoang năm 1968 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Ông Văn Đại	99	5				229,7	200,0	29,7	Đất nhận tặng cho của anh trai Lương Văn Sương năm 1995, và dựng nhà ở năm 1995 ông Sương khai hoang năm 1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Ông Văn Pánh	26	5	940,3		549,1	391,2	391,2		Đất gia đình tự khai hoang năm 1981 và dựng nhà ở tháng 8 năm 1981 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Ông Văn Thiện	66	5				266,7	200,0	66,7	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Pánh năm 2003, và dựng nhà ở năm 2003 ông Pánh khai hoang năm 1968 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Ông Văn Xiển (Loan)	27	5				146,0	146,0		Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Pánh năm 2003 và dựng nhà ở năm 2003 ông Pánh khai hoang năm 1985 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Ông Văn Sáng	61	5				136,4	136,4		Đất nhận tặng cho của bố vợ Lương Văn Pánh năm 2002, và dựng nhà ở năm 2002 ông Pánh khai hoang năm 1981 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Ông Văn Bình (On)	63	5	189,4	189,4		189,4	189,4		Đất gia đình tự khai hoang năm 1967, và dựng nhà ở tháng 06/1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại chính sách BT, HT trong báo cáo thẩm định
Ông Văn An	766	3	236,0	200,0		236,0	200,0	36,0	Đất nhận tặng cho của bố vợ, Lương Văn Kháng năm 2002, ông Kháng khai hoang năm 1967 dựng nhà ở năm 2002 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Ông Văn Kháng	765	3	218,7	218,7		218,7	218,7		Đất gia đình tự khai hoang năm 1970 và dựng nhà ở năm 1970 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/2/2012.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Ông Văn Điện	121	5	422,0	200,0		422,0	200,0	222,0	Nhận tặng cho của ông Lương Văn Muôn năm 1999 ông Muôn khai hoang năm 1966, dựng nhà năm 2001 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất

13/10/2012

Họ và tên	Thửa số	Tờ BD	Tổng DT quy cho hộ	Tổng DT đất ở quy cho hộ	Diện tích đất ở đã CN, cho tặng	Tổng diện tích đất thu hồi	Trong đó		Nguồn gốc đất	Chính sách BT, HT theo kết quả thẩm định của phòng TN&MT huyện Mường Ảng	Ghi chú
							Đất ở	Diện tích đất vườn, ao liền kề			
Lường Văn Tài	45	5	1.648,5	996,9		1.051,6	400,0	651,6	Đất gia đình tự khai hoang năm 1966 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2012	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Lường Văn Phát	96	5				303,0	303,0		Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Tài năm 1990 và dựng nhà ở năm 1990 ông Tài khai hoang năm 1986 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lường Văn Lá	46	5				293,9	293,9		Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Tài năm 1990 và dựng nhà ở năm 1990 ông Tài khai hoang năm 1966 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Lò Văn Thao	596	2	791,9	600,0	297,9	494,0	400,0	94,0	Đất gia đình tự khai hoang năm 1980 và dựng nhà ở năm 1985 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định hạn mức đất ở được công nhận để chuyển nhượng và giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lò Văn Hồng	607	2				297,9	200,0	97,9	Đất nhận tặng cho của bố Lò Văn Thao năm 2007 ông Thao khai hoang năm 1997, và dựng nhà ở năm 2007 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/2/2012.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	
Lường Văn Trãi	692	3	522,7	200,0		522,7	200,0	322,7	Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Bánh năm 2003, và dựng nhà ở năm 2003 ông Bánh khai hoang năm 1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lò Văn Thương	103	5	102,6	102,6		102,6	102,6		Đất nhận tặng cho của mẹ là Lò Thị Pán năm 2008, bà Pán khai hoang năm 1967 dựng nhà năm 1955 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Lường Văn Yên	17	5	137,6	137,6		137,6	137,6		Đất nhận tặng cho của bố vợ Lường Văn Pánh năm 2003 và dựng nhà ở năm 2003 ông Pánh khai hoang năm 1986 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm a, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định giấy tờ hợp pháp về tặng cho quyền sử dụng đất
Tổng						11.356,8	6.931,1	4.425,7			

Người tổng hợp



Lê Đức Sơn

BIỂU 02: KIỂM TRA, RÀ SOÁT DIỆN TÍCH, NGUỒN GỐC ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ÀNG CANG XÃ ẮNG CANG - HUYỆN MƯỜNG ẮNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN (HẠNG MỤC: LÔNG HỒ)

(Kèm theo Văn bản số 45/STNMT-QLĐĐ ngày 28 tháng 1 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
		Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tặng cho QSD đất			
Cà Văn Bi	460,7		460,7				718,5	Lường Văn Hịa	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	GCNQSD đất số 0795199, số vào sổ 00039QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Cà Văn Hạc	4.345,6		3.641,6	367,4		336,6	489,4	Cà Văn Chiêng	năm 2002	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho của bố Cà Văn Hạc năm 2001; ông Hạc có GCNQSD đất số phát hành 0795157 số vào sổ 00047 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Cà Văn Phở	4.328,8	161,5	2.656,8	337,0		1.173,5	214,0	Lường Văn Điện	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho của cậu Cà Văn Phở năm 2000; ông Phở khai hoang năm 1980 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
Cà Văn Xe	9.549,2		4.241,5	1.410,5		3.897,2	370,8	Cà Văn Phở	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho của em trai Cà Văn Xe năm 2000; ông Xe có GCNQSD đất số 0795173 số vào sổ 00075 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								Lò Văn Liên	năm 2004	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Cà Văn Xe năm 2004, ông Xe có GCNQSD đất số 0795173 số vào sổ 00075 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								Lò Văn Tiên	năm 2004	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Cà Văn Xe năm 2004, đất ông Xe có GCNQSD đất số 0795173 số vào sổ 00075 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								Lường Văn Hịa	năm 2001	Đất ao (TSN)	Nhận chuyển nhượng của ông Cà Văn Xe năm 2001; ông Xe có GCNQSD đất số 0795173 số vào sổ 00075 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Cà Văn Xong	1.000,5		1.000,5				543,0	Lường Văn Thoa	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Cà Văn Xong năm 2005; ông Xong có CNQSD đất số vào sổ 00079 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Tuần Giáo (theo hồ sơ địa chính).

Số TT theo PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất no	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tặng cho QSD đất			
14	Lò Thị Ính	4.857,4		3699,9			1157,5	69,1	Lò Văn Sương	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của mẹ vụ Lò Thị Ính năm 2006 bà Ính khai hoang năm 2003 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
								667,1	Lò Văn Sương	năm 2006	Đất nương NHK	Đất nhận tặng cho của mẹ vụ Lò Thị Ính năm 2006 bà Ính khai hoang năm 2003 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
								818,9	Lương Văn Muôn (Châm)	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của bà Lò Thị Ính năm 2005 bà Ính có GCNQSD đất số vào số 00048 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Tuần Giáo (theo hồ sơ địa chính).
80	Lương Văn Biên	128,8		128,8			66,1	Lương Văn Hija	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Biên năm 2001, ông Biên có GCNQSD đất số 8795195 số vào số 00043 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
83	Lò Văn Đoán	936,7		936,7				52,3	Lò Văn Biên (Xôm)	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Đoán năm 2001 theo GCNQSD đất số 0795148 số vào số 00057 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								181,3	Cà Văn Phở	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Đoán năm 2000 ông Đoán có GCNQSD đất số 0795148 số vào số 00057 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
50	Lò Văn Mao	880,8	72,5	808,2			0,1	26,7	Lò Văn Sương	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Mao năm 2006, Đất ông Mao có GCNQSD đất số 0795163 số vào số 00060 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								21,8	Lò Văn Thao	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Mao năm 2001 ông Mao có GCNQSD đất số 0795163 số vào số 00060 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								40,3	Lò Văn Thọng	năm 2002	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Mao năm 2002 ông Mao có GCNQSD đất số 0795163 số vào số 00060 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								103,9	Lương Văn Xiên (Toan)	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Mao năm 2003, Đất ông Mao có GCNQSD đất số 0795163 số vào số 00060 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 2000.

Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
		Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tặng cho QSD đất			
Lò Văn Ngọc	47,5		47,5				47,5	Lường Văn Khăng	năm 2004	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Ngọc năm 2004, ông Ngọc có GCNQSD đất số 0795183 số vào số 00065 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Lò Văn Phẩm	3.665,9		2911,1	373,5		381,3	754,1	Lò Văn Hiến	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng của bố Lò Văn Phẩm năm 2001, ông Phẩm có GCNQSD đất số 795170 số vào số 00059 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Lò Văn Phanh	4.323,5	168,6	3207,4	81,5		866,0	107,1	Lò Văn Đoán	năm 1995	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lò Văn Phanh năm 1995 ông Phanh khai hoang năm 1988 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 23/2/2012.
							168,6	Lò Văn Đoán	năm 1995	LNC	Đất nhận tặng cho của bố Lò Văn Phanh năm 1995 ông Phanh khai hoang năm 1988 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 23/2/2012.
							306,9	Lò Văn Tiên	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Phanh năm 2003, đất ông Phanh có GCNQSD đất số 8795147 số vào số 00071 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Lò Văn Sơn	4.470,7		2532,2	349,7		1588,8	188,0	Lò Văn Minh (Ún)	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lò Văn Sơn năm 2001 ông Sơn có GCNQSD đất số 0795200 số vào số 00077 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
							73,3	Lò Văn Phanh	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Sơn năm 2001, ông Sơn có GCNQSD đất số 0795200 số vào số 00077 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
							54,0	Lò Văn Sương	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho của bố Lò Văn Sơn năm 2006, ông Sơn có GCNQSD đất số 0795200 số vào số 00077 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
							63,9	Lường Văn Khăng	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Sơn năm 2003, ông Sơn có GCNQSD đất số 0795200 số vào số 00077 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.

Số TT theo PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tọng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tọng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tọng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tọng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tọng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tọng cho QSD đất			
							62,9	Lương Văn Yêu	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Sơn năm 2000, ông Sơn có GCNQSD đất số 0795200 số vào số 00077 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
51	Lò Văn Thao	5.619,2		2880,3	645,6		39,2	Lò Thị Ính	năm 2002	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thao năm 2002, ông Thao Đất có GCNQSD đất số 0795177 số vào số 00086 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
							229,7	Lò Văn Hồng	năm 2007	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lò Văn Thao năm 2007 ông Thao khai hoang năm 1997, có phiếu ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	
							579,8	Lò Văn Hồng	năm 2007	Nương NHK	Đất nhận tặng cho của bố Lò Văn Thao năm 2007	
							32,7	Lò Văn Mao	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thao năm 2003, ông Thao Đất có GCNQSD đất số 0795177 số vào số 00086 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
							122,1	Lò Văn Thọng	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thao năm 2003, ông Thao Đất có GCNQSD đất số 0795177 số vào số 00086 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
							747,4	Lò Văn Păng	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng của bố Lò Văn Thọng năm 2003, và dựng nhà ở năm 2003 ông Thọng khai hoang năm 1967 có phiếu lý ý kiến khu dân cư ngày 25/2/2012.	
46	Lò Văn Thọng	7.758,3	54,8	5646,1	645,7		32,2	Cả Văn Quán	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thọng năm 2003 ông Thọng có GCNQSD đất số 0795197 số vào số 00088 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
							639,1	Lò Văn Thao	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thọng năm 2001 ông Thọng có GCNQSD đất số 0795197 số vào số 00088 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	

TT	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hệ nhận CN, tặng cho QSD đất			
								57,5	Lò Văn Tiên	năm 2004	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thong năm 2004, Đất có GCNQSD đất số: 0795197 số vào sổ 00088 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH-UBND Huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								90,7	Lường Văn Pánh	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Thong năm 2001, ông Thong có GCNQSD đất số: 0795197 số vào sổ 00088 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH-UBND Huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
	Lò Văn Tiên	1.559,1		862,2	572,7		124,2	149,1	Cả Văn Quán	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của Ông Lò Văn Tiên năm 2003, Ông Quan có GCNQSD đất số: 0795197 số vào sổ 00082 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								44,1	Lò Văn Minh (Lò Thị Sơn)	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố vợ Lò Văn Tiên năm 2006, ông Tiên có GCNQSD đất số 0795158 số vào sổ 00082 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
		10.259,8		5216,2	983,4		4060,2	24,0	Cả Văn Khiên	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của mẹ vợ Lò Thị Lay năm 2003, bà Lay khai hoang năm 1980 có phiếu ý kiến dân cư ngày 25/2/2012.
								230,2	Lò Văn Thong	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của bà Lò Thị Lay năm 2003, bà Lay có GCNQSD đất số 0795151 số vào sổ 00055 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								1050,9	Lò Văn An	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của mẹ Lò Thị Lay năm 2000 bà Lay có GCNQSD đất số 0795151 số vào sổ 00055 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
	Lò Thị Lay							571,4	Lò Văn Diên	năm 1989	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của mẹ Lò Thị Lay năm 1989 bà Lay khai hoang năm 1980 có phiếu lấy kiến khu dân cư ngày 25/2/2012
								529,5	Lò Văn Diên	năm 1989	TNS	Đất nhận tặng cho của mẹ Lò Thị Lay năm 2003 bà Lay có GCNQSD đất số 795151 số vào sổ 00055 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.

Số TT theo PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hệ nhận CN, tặng cho QSD đất			
							647,4	Lù Văn Đức	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của mẹ Lù Thị Lay năm 2005 bà Lay có GCNQSD đất số 795151 số vào số 00055 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
							420,1	Lù Văn Đức	năm 2005	Đất nương NHK	Đất nhân tặng cho của mẹ Lù Thị Lay năm 2005 bà Lay có GCNQSD đất số 795151 số vào số 00055 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	
47	Lường Văn Bánh	10.760,4	471,7	4236,3	360,9		5691,5	1350,7	Lường Văn Trái	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố Lường Văn Bánh năm 2005 ông Bánh có GCNQSD đất số 0795154 số vào số 00031 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
80	Lường Văn Biên	1.719,4		1505,4	5,4		208,6	211,2	Lò Văn Biên (Xóm)	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng cho ông Lường Văn Biên năm 2001, Ông Biên có GCNQSD đất số vào số 00042 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Tuần Giáo (theo hồ sơ địa chính).
									Lường Văn Biên		Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất có GNCQSD đất số vào số 80042 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Tuần Giáo (theo hồ sơ địa chính).
											Đất TSN	Đất gia đình tự khai hoang năm 1992 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.
											Đất nương NHK	Đất gia đình tự khai hoang năm 1992 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.
54	Lường Văn Đoàn	2.455,2		1874,9	175,7		404,6	329,9	Lường Văn Ế	năm 2002	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho của cháu Lường Văn Đoàn năm 2002, ông Đoàn có GCNQSD đất số 0795156 số vào số 00046 QSDĐ/381/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
									Lường Văn Thoa	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lường Văn Đoàn năm 2005, ông Đoàn có GCNQSD đất số 0795156 số vào số 00046 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.

STT họ PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lúa năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nuôi nuôi	Đất nuôi rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tặng cho QSD đất			
78	Lương Văn É	4.322,6		3352,4	538,8		431,4	719,3	Lương Văn Xoan (Xiển)	năm 2002	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn É năm 2002 ông É khai hoang năm 1969 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
								318,0	Lương Văn Xoan (Xiển)	năm 2002	Đất ruộng NHK	
76	Lương Văn Kháng	6.632,4		5935,0	482,1		215,3	215,3	Lò Văn An	năm 2002	Đất ruộng NHK	Đất nhận tặng cho của bố vụ, Lương Văn Kháng năm 2002, ông Kháng khai hoang năm 1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
								1132,0	Lương Văn Nội	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Kháng năm 2001, ông Kháng có GCNQSD đất số 0795150 số vào số 00050 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
17	Lương Văn Khôn	6.822,2	665,0	3795,4	1486,5		875,3	176,2	Lò Văn Mao	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Khôn năm 2003, ông Khôn có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00052 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								265,2	Lò Văn Thong	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Khôn năm 2003, ông Khôn có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00052 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
								885,0	Lương Văn Thoan	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Khôn năm 2001 ông Khôn khai hoang năm 1967 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
		0,0						418,1	Lương Văn Thoan	năm 2001	TSN	
75	Lương Văn Kim	5.058,3	65,6	4067,6	889,2		35,9	1067,3	Lương Văn Thành	năm 2007	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Kim năm 2007, ông Kim có GCNQSD đất số 795144 số vào số 00049 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.

Số TT cho PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nuôi nuôi	Đất nuôi rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hệ nhận CN, tặng cho QSD đất				
11	Lương Văn Lanh	11.181,7	401,9	7818,5	1703,1		1258,2	388,6	Lò Văn Biên (Xóm)	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Lanh năm 2001, ông Lanh có GCNQSD đất số 0795181 số vào số 00054 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.	
								750,4	Lò Văn Hương	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bộ vợ Lương Văn Lanh năm 2000 ông Lanh có GCNQSD đất số 0795181 số vào số 00054 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.	
									452,8		năm 2000	TNS	
									305,9	Lò Văn Diên	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bộ vợ Lương Văn Lanh năm 2000, ông Lanh có GCNQSD đất số 795181 số vào số 00054 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999
									751,7	Lương Văn Minh (Anh)	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bộ vợ Lương Văn Lanh năm 2003 ông Lanh có GCNQSD đất số 0795181 số vào số 00054 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
									517,2	Lương Văn Thiện	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bộ Lương Văn Lanh năm 2006 ông Lanh có GCNQSD đất số 0795181 số vào số 00054 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999 thuộc thửa số 302; BDGT số 61.
57	Lương Văn Muốn (Pán)	7.040,7		4967,5	1342		731,2	320,5	Lò Văn Thọng	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho từ bộ vợ Lương Văn Muốn (pán) năm 2001, ông Muốn có GCNQSD đất số 795164 số vào số 00062 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.	
								379,7	Lương Văn Biên	năm 1995	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của ông Lương Văn Muốn (pán) (ông Ngoại) năm 1995. Ông Muốn có GCNQSD đất số 8795164 số vào số 00062 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.	
								1179,5	Lương Văn Thích	năm 1995	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của ông Lương Văn Muốn (pán) (ông Ngoại) năm 1995. Ông Muốn có GCNQSD đất số 0795164 số vào số 00062 QSDĐ/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.	

TT Số A	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nuôi nuông	Đất nuôi rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tặng cho QSD đất			
								52,6	Lương Văn Xiển (Chanh)	năm 2003	Đất ruộng NHK	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Muôn (pán) năm 2003, ông Muôn có GCNQSD đất số 0795164 số vào số 00062 QSDĐ/1999-QĐUBH- UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
4	Lò Văn Hương	59,6		59,6				59,6	Lương Văn Nội (É)	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Nội (É) năm 2001; ông Nội (É) Đất có GCNQSD đất số 0795166 số vào số 00064 QSDĐ/301/1999-QĐUBH- UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
0	Lương Văn Ộ	8.210,9	2539,6	3636,7	1807,4			42,4	Cà Văn Phó	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Ộ năm 2000; ông Ộ có GCNQSD đất số vào số 00067 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Thuận Giáo (theo hồ sơ địa chính).
								28,8	Lương Văn Điện	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận tặng cho của ông Cầu Lương Văn Ộ năm 2000, ông Ộ có GCNQSD đất số vào số 00067 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Thuận Giáo (theo hồ sơ địa chính).
5	Lương Văn Thích	3.077,2		1849,5					Lương Văn Ổn	năm 1995		Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Ổn năm 1995 ông Ổn khai hoang năm 1986 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
3	Lương Văn Yêu	17,6		17,6					Lương Văn Pánh		Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Pánh năm 2000, Ông Pánh có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
4	Lương Văn Pánh	4.245,0		3148,1	599,6			46,3	Lò Văn Sơn	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Pánh năm 2001; ông Pánh có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
								189,4	Lương Văn Là (Loan)	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Pánh năm 2006 ông Pánh có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
								712,4		năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Pánh năm 2003 ông Pánh khai hoang năm 1968 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2811.

Số TT theo PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhận CN, tặng cho QSD đất			
								222,5	Lương Văn Xiển (Toan)	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố Lương Văn Pánh năm 2005, ông Pánh có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
								432,8	Lương Văn Yên	năm 2004	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố vợ Lương Văn Pánh năm 2004 ông Pánh có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
74	Lò Văn Hương	26,2		26,2					Lương Văn Sáng		Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Sáng, ông Sáng có GCNQSDĐ số 0795171, vào số cấp GCNQSDĐ số 00074 do UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
31	Lương Văn Sương (Pánh)	3.736,6	798,2	2203,2	568,9		166,3	626,4	Lò Văn Kỳ	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	
65								338,4	Lương Thị Thiết	năm 2004	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố vợ Lương Văn Sương năm 2000 ông Sương có GCNQSD đất số 0795155 số vào số 00080 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
72								458,1	Lương Văn Bình (Hương)	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố Lương Văn Sương năm 2004 ông Sương khai hoang năm 1976 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
10								902,5	Lương Văn Minh (Anh)	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố Lương Văn Sương năm 2000 ông Sương có GCNQSD đất số 0795155 số vào số 00080 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
18								86,8	Lương Văn Oân	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố Lương Văn Sương năm 2003 ông Sương khai hoang năm 1985 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
19	Lương Văn Lá (Muôn)	1.043,3		608,9	164,8		269,6		Lương Văn Sỹ	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhân tặng cho của bố Lương Văn Sỹ năm 2005 ông Sỹ có GCNQSD đất số 0795175 số vào số 00040 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.

STT theo PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hộ nhập CN, tặng cho QSD đất			
39	Lường Văn Phấn	78,9		78,9					Lường Văn Sỹ	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng QSD đất của Ông Lường Văn Sỹ năm 2003, ông Sỹ có GCNQSD đất số 0795175 số vào số 00081 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
29	Lường Văn Suấn	2.287,5		1734,1	553,4				Lường Văn Sỹ	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Sỹ năm 2000 ông Sỹ có GCNQSD đất số 0795175 số vào số 00081 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
93	Lường Văn Xiển	278,1		278,1					Lường Văn Sỹ	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Sỹ năm 2000 ông Sỹ có GCNQSD đất số 0795175 số vào số 00081 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
24	Lường Văn Lương	602,5		602,5					Lường Văn Thiện	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Hận chuyển nhượng của ông Lường Văn Thiện, năm 2001, ông Thiện có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số 00087 QB 301/QĐ-UBND cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Thuận Giáo (theo hồ sơ địa chính).
23	Lường Văn Muôn (Châm)	155,4		155,4					Lường Văn Thương	năm 2002	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng từ ông Lường Văn Thương năm 2002, ông Thương có GCNQSD đất số 0795140 số vào số 00089 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
52	Lường Văn Xiển (Chanh)	1.597,4		742,9	854,5				Lường Văn Thương	năm 1990	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Thương năm 1990 ông Thương có GCNQSD đất số 0795140 số vào số 00089 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
33	Lường Văn Tú	9.266,7		5058,6	1097,5	524,2	2586,4	1452,5	Lường Văn Hịa	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Tú năm 2001, ông Tú có GCNQSD đất số 0795150 số vào số 00084 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giáo cấp năm 1999.
								562,1	Lường Văn Lá	năm 1992	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Tú năm 1992 ông Tú khai hoang năm 1966 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.
								1787,9	Lường Văn Lá	năm 1992	Đất ruộng lúa 2 vụ	

Số TT theo PA	Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cho QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cho QSD đất	
			Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất no	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cho QSD đất	Hệ nhận CN, tặng cho QSD đất				
33	Lương Văn Xiển (Toan)	1.228,6		983,0				245,6	245,6	Lương Văn Vui	năm 2006	Nương NHK	Đất nhận tặng cho của anh trai là Lương Văn Xiển năm 2006 (Đất gia đình khai hoang năm 2000 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011).
30	Lù Văn Đức	283,9		283,9						Lương Văn Xoan	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của anh rể Lương Văn Xoan năm 2005, ông Xoan có GCN số vào sổ 00016 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Thuận Giao (theo hồ sơ địa chính).
73	Lương Văn Yêu	3.175,9		1887,7	292,0			996,2	57,7	Lương Văn Suong (Pánh)	năm 2003	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn Yêu năm 2003, ông Yêu có GCNQSD đất số 795179 số vào sổ 00090 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Thuận Giao cấp năm 1999.
23	Lương Văn Muôn (Châm)	55,5		55,5						ông Ồ	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng từ ông Ồ năm 2005, ông Ồ có GCNQSD đất số vào sổ 00067 QĐ 301/QĐ-UB cấp ngày 24/12/1999 của UBND huyện Thuận Giao (theo hồ sơ địa chính).
9	Quảng Văn Luân	7.490,4	1583,7	4167,2	1223,7			515,8	299,1	Lò Văn Minh (Lò Thị Sơn)	năm 2006	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận tặng cho của bố Quảng Văn Luân năm 2006 ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào sổ 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giao cấp năm 1999.
									87,1	Lò Văn Phanh	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2001 ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào sổ 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giao cấp năm 1999.
									40,4	Lương Văn Bình (On)	năm 2000	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2000 ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào sổ 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giao cấp năm 1999.
									37,6	Lương Văn Thoa	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2005 ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào sổ 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giao cấp năm 1999.
									57,2	Lương Văn Toán	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2001, ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào sổ 00068 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Giao cấp năm 1999.

Họ và Tên	Tổng diện tích đất Nông nghiệp bị thu hồi trong PA	Chia ra các loại đất					Diện tích, loại đất NN đã CN, tặng cha QSD đất		Năm chuyển nhượng, tặng cha QSD đất	Loại đất chuyển nhượng, tặng cha QSD đất	Nguồn gốc đất NN chuyển nhượng, tặng cha QSD đất
		Đất trồng cây lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất ao	Đất trồng Lúa nương	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Diện tích đất NN đã CN, tặng cha QSD đất	Hệ nhộ CN, tặng cha QSD đất			
							57,2	Lương Văn Toàn	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2001, ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào số 00068 QSDĐ/30/1/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
							37,6	Lương Văn Thoa	năm 2005	Đất ruộng lúa 2 vụ	Nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2005 ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào số 00068 QSDĐ/30/1/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
							87,1	Lô Văn Phanh	năm 2001	Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất nhận chuyển nhượng của ông Quảng Văn Luân năm 2001 ông Luân có GCNQSD đất số 0795145 số vào số 00068 QSDĐ/30/1/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.
Cộng	167.102,6	6.983,1	106.008,3	19.912,5	524,2	33.674,5	35.757,7				

Người tổng hợp



Lê Đức Sơn

**Biểu 03: TỔNG HỢP CÁC HỘ MẪU THUẬN VỀ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT VÀ NGUỒN GỐC ĐẤT
 DỰ ÁN XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ÁNG CANG XÃ ÁNG CANG - HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN
 (HẠNG MỤC: LỒNG HỒ)**

(Kèm theo Văn bản số 45/STNMT-QLDD ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thu hồi	Chia ra các loại đất (m ²)							Nguồn gốc đất	Kết quả thẩm định của phòng TM&MT huyện Mường Ảng	Ghi chú
					Đất ở	Đất vườn công thôn đất ở	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Đất ao				
					6	7	9	10	12	13				
1		3	4	5	6	7	9	10	12	13	14	15		
5	Lương Văn Thích	37	5	405,4							405,4	Đất nhận tặng cho từ bố Lương Văn Ôn năm 1995, ông ôn khai hoang năm 1986 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 23/02/2012.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/3/2007.	Mẫu thuận loại đất giữa hồ sơ phương án BT, HT và bản đồ địa chính
7	Lương Văn Toàn	597	3	120,7					120,7			Đất gia đình tự khai hoang năm 1996 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/3/2007.	Xác định lại diện tích bị thu hồi trong hồ sơ PA và bản đồ địa chính
7	Lương Văn Toàn	804	3	6421,9					6421,9			Đất gia đình tự khai hoang năm 1996 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/3/2007.	Mẫu thuận diện tích, loại đất giữa hồ sơ phương án BT, HT và bản đồ địa chính
7		819	3	4140,1					4140,1			Đất gia đình tự khai hoang năm 1996 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/3/2007.	Mẫu thuận diện tích, loại đất giữa hồ sơ phương án BT, HT và bản đồ địa chính
13	Lô Văn Hiến	584	3	163,9					163,9			Đất nhận tặng cho bố Lô Văn Phẩm năm 2001, ông Phẩm có GCNQSD đất số 795170 số vào số 00059 QSDĐ/301/199-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Xác định lại loại đất bị thu hồi trong hồ sơ PA so với bản đồ địa chính
13	Lô Văn Hiến	669	3	96,0					96,0			Đất gia đình tự khai hoang năm 2000 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/3/2007.	Mẫu thuận diện tích, loại đất giữa hồ sơ phương án BT, HT và bản đồ địa chính
17	Lương Văn Khôn	118	2	107,5					107,5			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17		119	2	223,7					223,7			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17		152	2	140,0					140,0			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17		221	2	156,3					156,3			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	224	2	151,9					151,9			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	108	3	193,3					193,3			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	109	3	720,8					720,8			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	110	3	476,5					476,5			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	198	3	45,8					45,8			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	199	3	80,3					80,3			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
17	Lương Văn Khôn	200	3	83,6					83,6			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00032 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC

Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thu hồi	Chia ra các loại đất (m ²)						Nguồn gốc đất	Kết quả thẩm định của phòng TM&MT huyện Mường Ảng	Ghi chú
				Đất ở	Đất vườn công thôn đất ở	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Đất ao			
Lương Văn Khôn	201	3	129,3				129,3			Đất có GCNQSD đất số 795162, số vào số 00052 QSDĐ/301/1999 - QĐUBH - UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8, Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
Lương Văn Khôn	215	3	190,6			665,0		190,6		Đất gia đình tự khai năm 1970 có phiếu lấy kiến thức dân cư ngày 24/8/2011.	Điều c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
Lương Văn Khôn	57	5	665,0						1005,1	Đất gia đình tự khai hàng năm 1970, và dựng nhà ở năm 1970 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều a, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC
Lương Văn Khôn	74	5	1905,1									
Lương Văn Khôn	97	5	673,8	400,0	273,8				266,6			
Lương Văn Khôn	100	5	266,6						270,4	Đất gia đình tự khai hàng năm 1990 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Diện tích trên bản đồ địa chính màu thuần diện tích trong phương án BT, HT & TĐC
Cả Văn Xê	811	3	278,4							Đất nhận tặng cho của tổ Lương Văn Tài năm 1998 Ông Tài khai hàng năm 1966 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 23/02/2012.	Điều c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định lại diện tích bị thu hồi trong hồ sơ PA và bản đồ địa chính
Lương Văn Hịa	83	2	37,6					37,6				
Lô Văn Biên (Xóm)	244	3	205,1					205,1		Đất có GCNQSD đất số 0795195 số vào số 00043 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Diện tích trên bản đồ địa chính màu thuần diện tích trong phương án BT, HT & TĐC
Lô Văn Biên (Xóm)	185	5	26,8					26,8				
Lương Văn Xiên (Toan)	37	2	12,8					12,8				
Lương Văn Xiên (Toan)	39	2	49,8					49,8				
Lương Văn Xiên (Toan)	40	2	43,8					43,8				
Lương Văn Xiên (Toan)	41	2	139,1					139,1				
Lương Văn Xiên (Toan)	42	2	142,4					142,4				
Lương Văn Xiên (Toan)	52	2	75,5					75,5				
Lương Văn Xiên (Toan)										Đất nhận tặng cho của hộ Lương Văn Phán năm 2001, Ông Phán có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00061 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC

STT	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa hồi	Chia ra các loại đất (m ²)						Nguồn gốc đất	Kết quả thẩm định của phòng TM&MT huyện Mường Ảng	Chi chú
					Đất ở	Đất vườn công chức đất ở	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Đất ao			
33	Lương Văn Xiên (Toan)	58	3	221,2							Đất gia đình tự khai hoang năm 2003. Có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007 của CP.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
33		640	3	216,4				221,2					
33	Lương Văn Xiên (Toan)	641	3	55,9							Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Bình năm 2005, ông Bình có GCNQSD đất số 0795169 số vào số 00068 QSDĐ/30/1/1999- QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/ND-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
33		643	3	54,0									
33		644	3	40,8									
33		646	3	35,9					40,8				
33		674	3	117,9					35,9				
33		27	5	146,0	146,0								
33	Lương Văn Xiên (Toan)	29	5	103,9					103,9		Đất nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Mao năm 2003, Đất ông Mao có GCNQSD đất số 795163 số vào số 00060 QSDĐ/30/1/1999- QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 2000.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/ND-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
37	Lương Văn Thiện	526	3	121,6					121,6		Đất nhận tặng cho của Cậu Lương Văn Bình năm 2000 ông Bình có GCNQSD đất số: 795146, số vào số 00040 QSDĐ/30/1/1999- QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/ND-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
37	Lương Văn Thiện	527	3	68,0							Đất nhận tặng cho của cậu Lương Văn Bình năm 2003 ông Bình khai hoang năm 1968 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
37		528	3	18,3					68,0				
37		529	3	28,3					18,3				
37		530	3	28,4					28,3				
37		605	3	146,7					28,4				
37		606	3	56,6					146,7				
37	607	3	75,2					56,6		75,2			

T	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa hồi	Chia ra các loại đất (m2)					Nguồn gốc đất	Kết quả thẩm định của phòng TM&MT huyện Mường Ảng	Chi chi
					Đất ở	Đất vườn cây công nghiệp lâu năm	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm			
7	Lường Văn Thiện	608	3	60,9				60,9		Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Pánh năm 2003 ông Pánh khai hoang năm 1968 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
7		609	3	94,2				94,2				
37		610	3	106,4				106,4				
37		632	3	29,4				29,4				
37	Lường Văn Thiện	749	3	108,2				108,2		Đất nhận tặng cho của Cậu Lường Văn Bình năm 2003 ông Bình có GCNQSD đất số: 795146, số vào sổ 00049 QSDĐ/301/1999 - QĐ/UBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/ND-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
37		750	3	226,2				226,2		Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Pánh năm 2003 ông Pánh khai hoang năm 1968 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
37	Lường Văn Thiện	18	5	134,3					134,3			
37	Lường Văn Thiện	66	5	266,7	200,0	66,7						
44	Cả Văn Phở	50	3	394,0				394,0		Đất có GCNQSD đất số: 795153-00072 QSDĐ/301/1999 - QĐ/UBH-UBND Huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 197/ND-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
44	Cả Văn Phở	547	3	253,1					253,1	Đất gia đình tự khai hoang năm 1987 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007.	Mẫu thuận diện tích giữa TK, BB và hồ sơ PA, BT, HT
47	Lường Văn Bánh	579	2	252,7					252,7	Đất gia đình tự khai hoang năm 1987 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, từ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
47		525	3	568,5				568,5		Đất gia đình tự khai hoang năm 1980 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007.	Mẫu thuận diện tích giữa TK, BB và hồ sơ PA, BT, HT
47	Lường Văn Bánh	687	3	63,0				63,0		Đất gia đình tự khai hoang năm 1996 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/ND-CP ngày 25/5/2007.	Mẫu thuận diện tích giữa TK, BB và hồ sơ PA, BT, HT
49	Lường Văn Chính	158	2	114,8				114,8				

STT	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa đất	Chia ra các loại đất (m ²)						Người gốc đất	Kết quả thẩm định của phòng TM&MT huyện Mường Ảng	Ghi chú
					Đất ở	Đất vườn cùng thửa đất ở	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Đất ao			
49	Lường Văn Chính	335	2	56,6				56,6			Đất gia đình tự khai hoang năm 2000 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/02/2012.	Điểm c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	528	2	1432,0					1432,0		Đất gia đình tự khai hoang năm 2000 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.
		529	2	55,8									
		530	2	106,8						55,8			
		531	2	165,2						106,8			
		533	2	53,0						165,2			
		534	2	62,1						53,0			
		572	2	89,8						62,1			
573	2	38,4						89,8					
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	15	3	93,9				93,9		Nhận tặng cho của bố Lường Văn Thương năm 1990, ông Thương khai hoang năm 1985 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.	
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	52	3	334,6				334,6		Đất nhận tặng cho của bố Lường Văn Thương năm 1990 ông Thương có GCNQSD đất số 0793/40 số vào số 00089/QSDD/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Thuận Châu cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.	
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	53	3	176,2				176,2		Đất gia đình khai hoang năm 2000 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.	
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	54	3	187,9				187,9		Nhận tặng cho của bố Lường Văn Thương năm 1990, ông Thương khai hoang năm 1985 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/05/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.	
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	59	3	176,8				176,8		Đất gia đình tự khai hoang năm 1990 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.	
62	Lường Văn Xiển (Chanh)	368	3	160,7				160,7		Đất gia đình tự khai hoang năm 1990 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điểm c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 23/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TĐC.	

Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích thửa hồi	Chia ra các loại đất (m ²)						Nguồn gốc đất	Kết quả thẩm định của phòng TM&MT huyện Mường Ảng	Ghi chú
				Đất ở	Đất vườn công cộng đất ở	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất ruộng 2 vụ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	Đất ao			
Lương Văn Xiển (Chanh)	652	3	137,6				137,6			Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Thương năm 1990 ông Thương có GCNQSD đất số 0795140 số vào số 00089 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
	15	5	52,6					52,6				
Lương Văn Xiển (Chanh)	16	5	171,3					171,3		Đất gia đình tự khai hoang năm 1990 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
Lương Văn Xiển (Chanh)	28	5	854,5					854,5		Đất nhận tặng cho của bố Lương Văn Thương năm 1990 ông Thương có GCNQSD đất số 0795140 số vào số 00089 QSDĐ/301/1999-QĐUBH-UBND huyện Tuần Giáo cấp năm 1999.	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
Lô Văn Pân	72	5	373,5					373,5		Đất gia đình tự khai hoang năm 1969 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều c, Khoản 1, Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Không có Biên bản, tờ khai, đơn xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ PA, BT, HT và TDC
Lô Văn Thương	103	5	102,6	102,6						Đất nhận tặng cho của mẹ là Lô Thị Pân năm 2008, bà Pân khai hoang năm 1967 dựng nhà năm 1995 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều a Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định rõ nguồn gốc đất
Lô Văn Sương	336	2	38,2					38,2				
Lô Văn Sương	337	2	1497,0					1497,0		Đất nhận tặng cho của mẹ vợ Lô Thị Lành năm 2006 bà Lành khai hoang năm 2003 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định rõ nguồn gốc đất
Lô Văn Sương	339	2	41,9					41,9				
Lô Văn Sương	340	2	65,4					65,4				
Lô Văn Sương	540	2	202,5					202,5				
Lô Văn Sương	616	2	192,5	192,5						Đất nhận tặng cho của mẹ vợ Lô Thị Lành năm 2006, bà Lành khai hoang năm 1970 dựng nhà ở năm 1975 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều a Khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định rõ nguồn gốc đất
Lô Văn Sương	620	2	667,1					667,1		Đất nhận tặng cho của mẹ vợ Lô Thị Lành năm 2006 bà Lành khai hoang năm 2003 có phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/8/2011.	Điều c, Khoản 1, Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007.	Xác định rõ nguồn gốc đất
Lô Văn Sương	407	3	30,9					30,9				